

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 7 - 2022

V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, **giữa các đương sự:**

1. *Nguyên đơn:* Bà Cà Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Bản B, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1985. Địa chỉ thường trú: Khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ hiện nay: Khu phố 2, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 27/5/2022 và bản tự khai nguyên đơn bà Cà Thị T trình bày:** Bà Cà Thị T và ông Lê Thanh T tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Sơn La vào ngày 28/7/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Vì hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau để tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả mà càng ngày mâu thuẫn càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên ông T đã bỏ về Bình Dương sinh sống, còn bà T vẫn sinh sống tại Sơn La. Nay bà T nhận thấy tình cảm của vợ chồng dành cho nhau không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh T.

Về con chung: Bà Cà Thị T và ông Lê Thanh T khai không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản khai ngày 01/7/2022, bị đơn ông Lê Thanh T trình bày:** Ông Lê Thanh T và bà Cà Thị T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Sơn La vào ngày 28/7/2016. Sau khi kết hôn, ông Lê Thanh T sống chung với bà Cà Thị T tại tỉnh Sơn La. Tuy nhiên, do không hợp với khí hậu nên sống được 02 tháng thì ông Lê Thanh T đã bỏ về Bình Dương sinh sống cho đến nay, còn bà T vẫn sống với gia đình bà T ở tỉnh Sơn La. Kể từ đó đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai người đó sống không còn quan tâm gì đến nhau. Do đó, qua yêu cầu ly hôn của bà Cà Thị T thì ông đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông **Lê Thanh T** và bà **Cà Thị T** không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Cà Thị T và bị đơn ông Lê Thanh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cà Thị T và ông Lê Thanh T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại xã M, huyện S, tỉnh Sơn La vào ngày 28/7/2016 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống và tính tình không hợp nhau. Do không thể tiếp tục sống chung với nhau nên vợ chồng bà đã sống ly thân, tình cảm của bà dành cho ông T không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Phía bị đơn ông T xác định do không hợp khí hậu ở Sơn La nên khi vợ chồng sống với nhau được 02 tháng kể từ khi kết hôn thì ông T đã bỏ về Bình Dương sinh sống cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm dành cho nhau không nên qua yêu cầu ly hôn của bà T thì ông T đồng ý.

Xét thấy: Giữa bà Cà Thị T và ông Lê Thanh T đã sống ly thân từ lâu, bà Cà Thị T và ông Lê Thanh T cũng xác định tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nên nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Cà Thị T và ông Lê Thanh T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà **Cà Thị T và ông Lê Thanh T khai không có con chung**, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Tâm phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều a Khoản 1 Điều 35, Điều a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cà Thị T đối với bị đơn ông Lê Thanh T về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cà Thị T được ly hôn với ông Lê Thanh T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số **25** do Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Sơn La cấp cho bà Cà Thị T và ông Lê Thanh T ngày 28/7/2016).

- Về con chung: Bà Cà Thị T và ông Lê Thanh T khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Cà Thị T phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021-0001395 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND xã M, huyện S, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoa Hạnh